

Số: 132 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO

Về tình hình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi



Thực hiện Công văn số 5344/VPCP-CN ngày 06/6/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc chuẩn bị Hội nghị về giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi như sau:

IT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

ĐẾN	Số: 6009
	Ngày: 19/6/18
	Chuyên:

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CNHT TỈNH QUẢNG NGÃI

Quảng Ngãi là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có KKT Dung Quất và các KCN tỉnh được đầu tư đa ngành nghề, đa lĩnh vực mà trọng tâm là công nghiệp hóa dầu và công nghiệp nặng; trong đó, nhà máy lọc dầu Dung Quất cho ra thị trường các sản phẩm gồm: LPG hoá lỏng, Propylen, Poly Propylen, xăng A95, xăng A92, xăng máy bay Jet A1, dầu hỏa, dầu Diesel, dầu đốt FO. Đồng thời, nhà máy lọc dầu Dung Quất đã xây dựng hoàn thành một số nhà máy hóa dầu, hóa chất như: hạt nhựa PP, xăng sinh học Bio Ethanol, các dự án phụ trợ khác... Các nhà máy công nghiệp nặng có quy mô lớn gắn với cảng biển nước sâu Dung Quất sản xuất ra các sản phẩm cơ khí quy mô lớn mang tầm quốc gia, tạo giá trị sản lượng công nghiệp và giá trị xuất khẩu lớn như: Nhà máy công nghiệp nặng Doosan Việt Nam sản xuất các sản phẩm cơ khí và đã được Ban Chỉ đạo Chương trình sản phẩm cơ khí trọng điểm quốc gia xác nhận loại hình doanh nghiệp sản xuất các mặt hàng cơ khí trọng điểm, bao gồm các loại sản phẩm: Máy khử nước mặn, sản phẩm cho các nhà máy nhiệt điện, thiết bị cầu và kết cấu thép, sản phẩm cho máy lọc nước,...

Về công nghiệp nhẹ: Tỉnh đã tập trung thu hút các dự án đầu tư sản xuất, chế biến nguyên liệu tại chỗ và xuất khẩu, giải quyết nhiều lao động phổ thông tại địa phương như: các nhà máy chế biến gỗ, dăm, sản xuất đồ gia dụng, gia công cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản, sản xuất các sản phẩm bao bì, thùng carton, công nghiệp dệt sợi, sản xuất linh phụ kiện điện tử, bộ phận giấy da.... Đặc biệt, dự án Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ VSIP (Công ty TNHH KCN Việt Nam – Singapore) được cấp phép (với vốn đăng ký 125,3 triệu USD) đã và đang triển khai nhanh chóng. Đây là dự án đầu tư và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ có sức lan toả rất lớn; với tầm ảnh hưởng của dự án và tính chuyên nghiệp của mình, đã tạo nên một động lực mới trong thu hút các dự án thứ cấp đầu tư vào tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ, tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện một số giải pháp nhằm nâng dần tỷ lệ nội địa hóa của một ngành công nghiệp lắp ráp, giảm bớt tỷ lệ linh kiện, phụ tùng phải nhập khẩu từ nước ngoài. Tuy nhiên, ngành công nghiệp hỗ trợ của tỉnh mà trọng tâm là tại KKT Dung Quất và các KCN tỉnh hiện nay chưa được phát triển mạnh, chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành công nghiệp lớn như chế tạo, lắp ráp ô tô, xe máy; công nghiệp dệt may, giày da; sản phẩm của doanh nghiệp còn độc lập, trong đó có một số doanh nghiệp gia công hàng may mặc xuất khẩu, nhưng hầu hết đều phải nhập khẩu nguyên liệu, phụ kiện như: vải, chỉ khâu cao cấp, nút áo, khóa kim loại... từ nước ngoài như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan... Do đó, các sản phẩm làm ra có giá thành cao, ít phong phú về mẫu mã, khó có thể cạnh tranh với các sản phẩm nước ngoài. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước sản xuất sản phẩm chủ yếu là gia công theo đơn đặt hàng từ nước ngoài với phần lớn nguyên liệu do các nhà đặt gia công cung cấp.

1. Về CNHT ngành cơ khí, chế tạo, chế biến

Hiện nay, đa số các cơ sở sản xuất CNHT ngành cơ khí, chế tạo, chế biến của tỉnh Quảng Ngãi là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ thuộc thành phần kinh tế ngoài quốc doanh.

Nhìn chung, các sản phẩm CNHT của các ngành công nghiệp sản xuất máy móc thiết bị, sản xuất xe có động cơ, sản xuất phương tiện vận tải chủ yếu là những sản phẩm phụ; các sản phẩm chính, tinh xảo, có giá trị gia tăng cao chủ yếu là do nước ngoài cung cấp. CNHT ngành cơ khí, chế tạo các loại máy móc, thiết bị cung cấp cho các ngành sản xuất khác (như chế biến gỗ, công nghiệp dệt may - da giày...) chưa phát triển.

Thị trường tiêu thụ CNHT ngành cơ khí, chế tạo chủ yếu là thị trường nội địa, đặc biệt là thị trường trong nội bộ tỉnh Quảng Ngãi (*chủ yếu là sắt thép xây dựng, tấm lợp bằng kim loại phục vụ cho các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng*). Bên cạnh đó, trong thời gian qua, các doanh nghiệp CNHT ngành cơ khí, chế tạo tỉnh Quảng Ngãi đã chú trọng đến việc mở rộng thị trường xuất khẩu, tập trung vào một số sản phẩm như linh kiện cho xe ô tô, phụ tùng xe máy, các loại ốc vít, các loại mô tơ...

2. CNHT ngành dệt may - da giày

CNHT ngành dệt may - da giày trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi khá đa dạng, từ các doanh nghiệp cung cấp nguyên, phụ liệu đến các doanh nghiệp dệt, nhuộm, cung cấp bao bì... Tuy nhiên, đa số doanh nghiệp có quy mô nhỏ, chủ yếu là doanh nghiệp gia công. Nếu tính chung toàn ngành dệt may - da giày (bao gồm cả các doanh nghiệp CNHT ngành dệt may - da giày), toàn tỉnh Quảng Ngãi có 18 doanh nghiệp và khoảng 2.192 cơ sở sản xuất với khoảng 8.287 lao động (chiếm khoảng 15,7% lao động toàn ngành công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi).

3. CNHT ngành điện tử - tin học

Trình độ công nghệ CNHT ngành điện tử - tin học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phần lớn ở mức trung bình và thấp. Thị trường tiêu thụ chủ yếu của các sản phẩm CNHT ngành điện tử - tin học là thị trường nước ngoài. Nguyên nhân là do phần lớn các doanh nghiệp CNHT trong lĩnh vực này là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư tại Quảng Ngãi để sản xuất các sản phẩm điện tử - tin học và cung cấp cho các công ty mẹ.

Mối liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất và các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm CNHT ngành điện tử - tin học chưa chặt chẽ. Đa số các doanh nghiệp hiện nay sản xuất theo đơn đặt hàng của công ty mẹ. Do đó, mối liên kết giữa các doanh nghiệp chỉ mới dừng lại giữa nhà sản xuất và nhà xuất khẩu. Liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất CNHT ngành điện tử - tin học với các doanh nghiệp mua linh kiện để sản xuất thành phẩm nhằm tiêu thụ trong nước còn rất mờ nhạt.

4. CNHT ngành chế biến gỗ, giấy

Trong những năm gần đây, công nghiệp chế biến gỗ, giấy trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi khá phát triển; do đó, CNHT lĩnh vực này cũng có nhiều điều kiện thuận lợi để mở rộng sản xuất. Tỉnh Quảng Ngãi không có thế mạnh về gỗ nguyên liệu để sản xuất đồ gỗ xuất khẩu, nhưng lại có thế mạnh về sản xuất CNHT phục vụ ngành chế biến gỗ, giấy (gỗ nguyên liệu và các nguyên phụ liệu khác được cung cấp từ các địa phương lân cận và nhập khẩu). Thị trường tiêu thụ các sản phẩm CNHT ngành chế biến gỗ, giấy chủ yếu là thị trường nội địa; thị trường nước ngoài chiếm tỷ lệ thấp (chủ yếu xuất khẩu các sản phẩm thành phẩm). Các doanh nghiệp CNHT ngành chế biến gỗ, giấy có mối liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp sản xuất thành phẩm, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất đồ gỗ xuất khẩu.

5. Đánh giá tiềm năng phát triển CNHT của tỉnh

Hiện nay, nhu cầu sản phẩm CNHT tại thị trường của tỉnh là rất lớn như: Nhà máy Lọc hóa dầu Bình Sơn đang cần rất nhiều loại phụ gia; nhà máy sản xuất hạt nhựa PP cần hóa chất, phụ gia, pallet. Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu, ngoài nhu cầu về nguyên liệu gỗ, cần rất nhiều sản phẩm hỗ trợ như keo dán gỗ, các loại ốc vít, đinh, linh kiện bằng kim loại; Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam cần thép các loại, sản phẩm đúc, mạ, gò, que hàn, sơn... Các nhà máy sản xuất cơ khí, động cơ điện, máy móc phục vụ nông nghiệp cần nhiều sản phẩm CNHT; các công ty may cần nhiều phụ kiện hỗ trợ như dây kéo, nút, chỉ, màu in... Đặc biệt, trong thời gian tới, Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất đi vào hoạt động (tổng công suất 4 triệu tấn/năm) sẽ góp phần mở rộng thị trường sản phẩm CNHT trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, các địa phương lân cận của tỉnh Quảng Ngãi trong vùng KTTĐMT đang có nhiều KKT, KCN, khu công nghệ cao với các kết quả hoạt động rất tích cực; các tỉnh Tây Nguyên đang có định hướng phát triển nông

nghiệp công nghệ cao. Đây đều là các thị trường có nhu cầu rất lớn đối với các sản phẩm CNHT và sẽ tạo ra động lực mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển CNHT của tỉnh Quảng Ngãi trong thời gian tới.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Các ngành CNHT trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã có sự phát triển đáng kể trong thời gian gần đây về số lượng doanh nghiệp, GTSX, trình độ công nghệ, thị trường... và có vai trò ngày càng quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói riêng và vùng KTTĐMT nói chung. Bước đầu đã hình thành được một số ngành CNHT trong các lĩnh vực:

- Cơ khí - Chế tạo (sản xuất kim loại, sản xuất các sản phẩm từ kim loại, sản xuất máy móc, thiết bị, sản xuất phụ tùng cho ngành công nghiệp ô tô, xe máy...).

- Dệt may - Da giày (sản xuất sợi, phụ kiện ngành may, thuộc da, đế giày...).

- Điện tử - Tin học (sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất các thiết bị dẫn điện, tai nghe điện thoại,...).

- Chế biến gỗ, giấy (sản xuất bao bì bằng gỗ, bao bì từ giấy, nguyên liệu và phụ liệu phục vụ sản xuất đồ gỗ xuất khẩu...).

- Kết cấu hạ tầng KKT, KCN được đầu tư, từng bước hoàn thiện theo quy hoạch. Đặc biệt, KKT Dung Quất (trọng tâm là Nhà máy Lọc dầu Dung Quất), KCN Tịnh Phong, KCN Quảng Phú, Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi có những đóng góp quan trọng, tạo động lực mới cho sự phát triển CNHT của tỉnh.

2. Hạn chế

Bên cạnh các kết quả đạt được, sự phát triển CNHT trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi còn nhiều tồn tại, hạn chế sau:

- Ngành CNHT tỉnh Quảng Ngãi mới chỉ trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển, sản xuất thành phẩm dựa trên việc sử dụng các nguyên liệu, phụ liệu, linh kiện nhập khẩu vẫn chiếm tỷ lệ lớn; số lượng các nhà sản xuất, cung cấp các nguyên liệu, chi tiết đơn giản và các sản phẩm hỗ trợ khác trên địa bàn tỉnh chưa nhiều.

- Môi quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất thành phẩm và các doanh nghiệp CNHT còn rất mờ nhạt. Các doanh nghiệp sản xuất chủ yếu là gia công theo đơn đặt hàng với đa số nguyên liệu được cung cấp sẵn. Trong khi đó, các doanh nghiệp CNHT đóng vai trò như những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh, cung cấp cho các khách hàng để xuất khẩu; chính vì thế, vai trò hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước là không đáng kể.

- Tỷ lệ nội địa hóa mặc dù ngày càng tăng nhưng vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu giá trị của sản phẩm. Việc nội địa hóa sản phẩm CNHT hiện nay chủ yếu tập trung ở các sản phẩm phụ, những linh kiện, phụ kiện thông dụng, dùng chung cho một số ngành công nghiệp. Bên cạnh đó, hiện nay chưa xuất hiện các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm CNHT chủ chốt, độc lập, không theo yêu cầu của các nhà lắp ráp (như sản xuất động cơ, hộp số cho ngành ô tô - xe máy, chip điện tử, nguyên liệu, vật liệu, phụ liệu cao cấp...).

3. Nguyên nhân của những hạn chế

- Kinh tế thế giới, trong nước suy thoái, phục hồi chậm; nguồn lực đầu tư từ xã hội và ngân sách nhà nước chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Tỉnh vẫn chưa có quy định về bảo lãnh tín dụng đối với các doanh nghiệp; bên cạnh đó, thủ tục cho vay của các ngân hàng thương mại còn rườm rà; chính vì thế, các doanh nghiệp CNHT rất khó tiếp cận các nguồn vốn vay để mở rộng sản xuất, kinh doanh.

- Trình độ khoa học - công nghệ của đa số doanh nghiệp CNHT trên địa bàn tỉnh còn thấp, chất lượng các sản phẩm chưa cao, chưa đủ khả năng để cạnh tranh trên thị trường; công tác chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chưa được quan tâm thực hiện và chưa có chế tài bắt buộc.

- Nguồn nhân lực của tỉnh mặc dù ngày càng được nâng cao chất lượng, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành CNHT; công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ CNHT chưa được các cơ sở đào tạo và bản thân các doanh nghiệp quan tâm đúng mức.

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chưa có hiệp hội, tổ chức nào đại diện cho các doanh nghiệp CNHT; do đó, các doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn trong quá trình tìm hiểu thông tin thị trường, kết nối cung - cầu sản phẩm...

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN CNHT

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển công nghiệp hỗ trợ, xác định là khâu đột phá để phát triển các ngành công nghiệp chủ lực của Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tỉnh Quảng Ngãi đã và đang tập trung triển khai một số giải pháp trọng tâm sau:

1. Tạo dựng môi trường đầu tư, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh

- Tận dụng các thế mạnh về hạ tầng công nghiệp, đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ, tập trung ưu tiên thu hút phát triển những ngành hàng và sản phẩm hỗ trợ trực tiếp phục vụ cho ngành lọc hóa dầu; ngành cơ khí chế tạo, sản xuất kim loại; ngành chế biến thực phẩm, đồ uống, chế biến gỗ và

ngành điện khí nhằm nâng cao giá trị gia tăng, tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm công nghiệp của tỉnh.

- Xây dựng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho nhà đầu tư xây dựng hạ tầng và các dự án đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Khuyến khích hình thành các khu, cụm công nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng, nguyên vật liệu phụ trợ cho các ngành công nghiệp; xây dựng các KCN và KCX một cách tập trung, có mục tiêu, trong đó có nhiều doanh nghiệp tư nhân có thể trở thành các nhà cung cấp trực tiếp cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đây là một hướng đi tích cực và thiết thực nhằm phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ của KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi trong những năm tới.

2. Hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện cho công nghiệp hỗ trợ phát triển

Hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng là một trong những giải pháp hết sức quan trọng trong việc đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào KCN, KKT để sản xuất các sản phẩm hỗ trợ, góp phần giảm bớt chi phí cho các nhà đầu tư, giúp cho hàng hóa thuận lợi hơn trong việc lưu thông cả ở thị trường trong và ngoài nước.

3. Giải pháp về mô hình chiến lược phát triển

Thực trạng ngành CNHT của vùng KTTĐMT nói chung và của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng đang phát triển trong một vòng luẩn quẩn: Công nghiệp chưa phát triển => Nhu cầu sản phẩm của CNHT thấp => Không có nhiều doanh nghiệp hỗ trợ => Không phát triển được CNHT => Không thu hút được đầu tư => Công nghiệp chưa phát triển. Chính vì thế, việc phát triển CNHT là một trong những động lực quan trọng nhằm giải quyết triệt để và toàn diện các vấn đề này, góp phần thúc đẩy toàn ngành công nghiệp phát triển.

Dựa trên cơ sở lý thuyết đã được kiểm chứng cùng với các kết quả nghiên cứu, phân tích thực trạng và kinh nghiệm phát triển CNHT tại Việt Nam trong thời gian qua, tỉnh Quảng Ngãi sẽ tập trung phát triển CNHT theo mô hình chiến lược hỗn hợp, có sự kết hợp giữa chiến lược kéo và chiến lược đẩy; trong đó thiên về chiến lược kéo.

- Chiến lược kéo: sử dụng các chính sách khuyến khích để các doanh nghiệp lớn liên kết, phối hợp với các nhà cung cấp trong nước, tạo ra một thị trường cạnh tranh lành mạnh và có lợi cho các nhà cung cấp. Một số doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh có thể được lựa chọn để hình thành các chuỗi cung ứng sản phẩm CNHT là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam, Công ty CP Đường

Quảng Ngãi, Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất, Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi...

- Chiến lược đẩy: thiên về chính sách bắt buộc, thúc đẩy các doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh phải thực hiện liên kết với các DNNVV, với các nhà cung cấp các sản phẩm hỗ trợ trong nước.

Thực tiễn phát triển cho thấy, tỉnh Quảng Ngãi ưu tiên tập trung vào việc thực hiện chiến lược kéo để thúc đẩy hoạt động liên kết sản xuất, kinh doanh giữa các doanh nghiệp lớn với các DNNVV, giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI, giữa các doanh nghiệp sản xuất thành phẩm với các doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm hỗ trợ để chia sẻ nguồn lực phát triển, giảm chi phí sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của từng doanh nghiệp và của toàn ngành...

4. Giải pháp về đầu tư

- Xây dựng và phát hành bản tin đầu tư, quảng bá các lợi thế cạnh tranh của tỉnh Quảng Ngãi trong thu hút đầu tư vào lĩnh vực CNHT, nhất là về hệ thống các cơ chế, chính sách ưu đãi của Trung ương và của tỉnh.

- Nghiên cứu, khảo sát, xây dựng danh mục các dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực CNHT trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đồng thời, đăng tải danh mục ưu tiên đầu tư trên các phương tiện thông tin truyền thông, trên website của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; gửi thông tin trực tiếp cho các nhà đầu tư tiềm năng trong và ngoài nước...

- Thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp quy mô lớn, đầu tư vào sản xuất thành phẩm. Các doanh nghiệp này vừa đóng vai trò cầu nối thu hút các doanh nghiệp CNHT, vừa tạo thêm động lực để CNHT phát triển.

- Đổi mới mạnh mẽ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực CNHT. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức xúc tiến đầu tư chuyên nghiệp, Đại sứ quán các nước tại Việt Nam, các hiệp hội, các nhà đầu tư lớn (đặc biệt là Công ty VSIP Quảng Ngãi, Công ty Doosan Vina...) để đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư vào CNHT trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp, đề nghị Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo hệ thống ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh cải tiến thủ tục cho vay, đa dạng hóa các hoạt động tín dụng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp CNHT trong việc tiếp cận nguồn vốn vay như: nới lỏng điều kiện thế chấp (có thể thế chấp tài sản được hình thành từ khoản vay), áp dụng mức lãi suất ưu đãi đối với những khoản vay dài hạn trong lĩnh vực CNHT...

- Khuyến khích các ngân hàng thương mại dành sự ưu tiên nhất định về lãi suất và hạn mức tín dụng để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp hỗ trợ, nhất là trong trường hợp các doanh nghiệp này đầu tư hiện đại hóa máy móc, thiết bị hay sản xuất các sản phẩm thay thế nhập khẩu cung cấp cho các doanh nghiệp khác.

- Nghiên cứu thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DNNVV tỉnh Quảng Ngãi nhằm góp phần đa dạng hóa nguồn vốn vay của các doanh nghiệp, nhất là các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực CNHT.

5. Giải pháp về công nghệ

- Đổi mới hệ thống nghiên cứu khoa học - công nghệ làm nền tảng cho các ngành CNHT phát triển.

- Kiến nghị việc giảm hoặc bãi bỏ các loại thuế đánh vào linh kiện nhập khẩu để giảm giá thành sản phẩm lắp ráp, để các sản phẩm này xuất khẩu được. Mở rộng thị trường ra các nước khác để tăng quy mô sản xuất thành phẩm cuối cùng mới kích thích các công ty nhỏ và vừa nước ngoài đến đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

- Có chính sách khuyến khích đầu tư, khuyến khích chuyển giao công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hỗ trợ tìm kiếm, điều tiết thị trường, tạo điều kiện về vay vốn, thuê mặt bằng, nhà xưởng, ưu đãi về thuế đối với các công ty, tập đoàn nước ngoài, cũng như các doanh nghiệp nội địa hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

- Thống kê, tổng hợp danh sách các doanh nghiệp CNHT trên địa bàn tỉnh được xem xét, hỗ trợ kinh phí từ nguồn vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển khoa học - công nghệ quốc gia đối với các chi phí: chuyển giao công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế, mua bản quyền, sáng chế, phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực cho đổi mới công nghệ trong lĩnh vực CNHT...

- Xây dựng, thực hiện các chương trình hợp tác dài hạn với các đối tác quốc tế, các tập đoàn đa quốc gia, các viện nghiên cứu, trường đại học nhằm nghiên cứu chuyên sâu các sản phẩm và chuỗi giá trị cho ngành CNHT.

- Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tập trung phát triển khoa học - công nghệ đối với CNHT một số lĩnh vực như lọc hóa dầu, cơ khí - chế tạo, tự động hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

6. Giải pháp về thị trường

- Thống kê, tổng hợp danh sách các sản phẩm CNHT trên địa bàn tỉnh thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển (ban hành kèm theo Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về Phát triển CNHT); sửa đổi, bổ sung hỗ trợ sản phẩm công nghiệp hỗ trợ tham gia Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; hỗ trợ một phần chi phí đăng ký thương hiệu, kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước và quốc tế, kinh phí tiếp cận thông tin thị trường...

- Xây dựng, thực hiện chính sách bảo hiểm đối với các sản phẩm CNHT được ưu tiên phát triển và đang trong thời điểm mới tiếp cận thị trường nhằm hỗ trợ cho các sản phẩm đó vươn lên đứng vững trên thị trường.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để thành lập các hiệp hội, các tổ chức đại diện cho các doanh nghiệp CNHT (chẳng hạn như Chi nhánh của

Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam tại tỉnh Quảng Ngãi hoặc Hội Doanh nghiệp CNHT tỉnh Quảng Ngãi,...); đồng thời, tăng cường vai trò của các tổ chức, hiệp hội này trong việc phổ biến thông tin thị trường, điều phối thị trường, kết nối cung - cầu giữa các doanh nghiệp...

- Tuyên dương, khen thưởng, nhân rộng điển hình các doanh nghiệp CNHT có thành tích xuất sắc trong các hoạt động xúc tiến thương mại, duy trì, mở rộng thị trường, đa dạng hóa sản phẩm, có đóng góp tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng chương trình đào tạo nhân lực kỹ thuật cao cho CNHT; đẩy mạnh đào tạo công nhân bậc cao, công nhân lành nghề cho các lĩnh vực CNHT. Tổ chức các khóa đào tạo về quản lý, công nghệ, thương mại... cho các nhà quản lý doanh nghiệp CNHT.

- Xây dựng, ban hành các chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo theo địa chỉ cho các doanh nghiệp CNHT đối với các hình thức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, đào tạo lại công nhân.

- Nghiên cứu, hình thành Quỹ hỗ trợ đào tạo nhân lực cho CNHT; Quỹ này được hình thành từ nguồn NSNN, từ sự đóng góp của các doanh nghiệp, của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Nghiên cứu, xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực phục vụ CNHT trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Khuyến khích các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia vào công tác đào tạo nguồn nhân lực; khuyến khích các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh hợp tác với các đối tác nước ngoài trong các chương trình đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển CNHT.

- Đối với các KCN CNHT được phê duyệt trong tương lai, thực hiện đào tạo lao động tại chỗ theo các chuyên ngành CNHT đã được lựa chọn; khuyến khích lao động địa phương tham gia các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và làm việc trực tiếp tại các KCN CNHT.

- Xây dựng, ban hành mới hoặc điều chỉnh chính sách các ưu đãi đối với nguồn nhân lực chất lượng cao tham gia hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đối với nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực CNHT. Đối với các cán bộ quản lý giỏi, các chuyên gia khoa học - kỹ thuật đầu ngành đến làm việc tại tỉnh, bên cạnh các chính sách hỗ trợ như hiện nay cần có các chính sách ưu đãi vượt trội về lương, phụ cấp, nhà ở, phương tiện đi lại...

8. Cơ chế phối hợp giữa tỉnh Quảng Ngãi và vùng KTTĐMT trong phát triển các ngành CNHT

- Đẩy mạnh sự phối hợp, liên kết giữa Quảng Ngãi với các địa phương vùng KTTĐMT trong quá trình phát triển CNHT. Quá trình liên kết tập trung vào một số hoạt động cụ thể gồm: xúc tiến đầu tư; đào tạo, thu hút nguồn

nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; cung cấp thông tin, phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu về CNHT của Vùng phục vụ cho công tác dự báo...

- Liên kết, phối hợp thực hiện các dự án phát triển các mặt hàng CNHT đáp ứng nhu cầu thay thế nhập khẩu và hướng tới xuất khẩu.

- Hợp tác, liên kết theo mô hình doanh nghiệp mẹ đặt tại một trong các tỉnh, thành phố trong vùng KTTĐMT và các doanh nghiệp con đặt tại các địa phương khác để chuyên môn hóa sản xuất và cung cấp công nghệ thích hợp cho nhau.

- Xây dựng và triển khai các dự án CNHT có quy mô lớn, mang tính liên Vùng nhằm tạo ra hạt nhân lan tỏa, thúc đẩy sự phát triển của các ngành khác, nhất là đối với các ngành mà các địa phương có cùng điều kiện phát triển như cơ khí, luyện kim, hóa chất, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may - da giày...

- Tỉnh Quảng Ngãi sẽ tiếp tục xúc tiến và phối hợp chặt chẽ với đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương để nghiên cứu, hoàn chỉnh Đề án, sớm thành lập Trung tâm Phát triển CNHT miền Trung - Tây Nguyên đặt tại tỉnh Quảng Ngãi.

9. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Lấy phòng ngừa, ngăn chặn ô nhiễm môi trường là nguyên tắc chủ đạo trong phát triển CNHT trên địa bàn tỉnh, kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên.

- Không phê duyệt, cấp phép đầu tư, xây dựng đối với các dự án CNHT chưa có đánh giá tác động môi trường; thực hiện nghiêm quy định về lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất CNHT đầu tư đổi mới trang thiết bị, áp dụng công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu chất thải, nước thải.

- Phối hợp với các cơ quan quản lý cấp trung ương rà soát, bổ sung danh sách công nghệ hạn chế chuyển giao, danh mục công nghệ cấm chuyển giao trong lĩnh vực CNHT nhằm ngăn chặn việc chuyển giao các công nghệ, phương tiện, thiết bị cũ gây ô nhiễm môi trường.

- Kiểm tra việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất CNHT thông qua báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được các cơ quan quản lý có thẩm quyền phê duyệt.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng đối với hoạt động xử lý chất thải, nước thải, bảo vệ môi trường; xử lý nghiêm theo các quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm.

Trên đây là báo cáo tình hình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo Bộ Công Thương để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (*báo cáo*);
- Bộ Công Thương (*báo cáo*);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi;
- Các Sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, TH, CBTH;
- Lru: VT, CNXD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bính